

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ THIÊN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ THIÊN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN PHAT INVESTMENT AND SERVICES TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110001461

3. Ngày thành lập: 19/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 76 Phố Mới, Xã Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0353673756

Fax:

Email: thienphat.tckt.hn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng, - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác, - Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự, - Lắp đặt thiết bị nội thất, - Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được... - Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như: + Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm, + Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác, + Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa, + Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến... + Giấy dán tường, - Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà, - Sơn các kết cấu công trình dân dụng, - Lắp gương, kính, - Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng, - Các công việc hoàn thiện nhà khác, Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền, ...	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác Bán buôn hàng may mặc Bán buôn giày dép	4641(Chính)
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường tủ, bàn ghế, và đồ dùng nội thất tương tự	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662

26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
28.	Trồng cây lấy sợi	0116
29.	Trồng cây hàng năm khác	0119
30.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
31.	Trồng cây lâu năm khác	0129
32.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
33.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
34.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
35.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện như: kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức	8230
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
38.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
39.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
40.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
41.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
42.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
43.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
44.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
45.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

46.	Cổng thông tin Chi tiết: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ. (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi nhà nước cho phép)	6312
47.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; Các dịch vụ khác liên quan đến thông tin, báo chí chưa được phân vào đâu	6399
48.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
50.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
51.	Quảng cáo Chi tiết: Cung cấp tất cả các dịch vụ quảng cáo (thông qua năng lực của tổ chức hoặc hợp đồng phụ) như: tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông	7310
52.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê; Điều tra thu thập ý kiến của công chúng về những sự kiện chính trị, kinh tế và xã hội, bao gồm kết quả phân tích thông kê	7320
53.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
54.	Cho thuê xe có động cơ	7710

55.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
57.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
62.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
63.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
64.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
65.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	In ấn	1811
70.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
71.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
72.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
73.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
74.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
75.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
76.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
78.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
79.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
80.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
81.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4789
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
83.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
84.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921

85.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hóa trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh,..	5210
88.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên phương tiện vận tải hoặc dỡ hàng hóa hoặc hành lý của hành khách từ phương tiện vận tải; Bốc vác hàng hóa; Bốc, dỡ hàng hóa toa xe lửa	5224
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	5225
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
91.	Chuyên phát	5320
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể công nhân cho người lao động và các đối tượng khác, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều trại, nhà khung du lịch dùng để nghỉ tạm, cơ sở lưu trú (khác) chưa được phân vào đâu	5590
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

96.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
97.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
98.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
102.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
103.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
104.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
105.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
106.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
107.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
108.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
110.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
111.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
112.	Xây dựng nhà để ở	4101
113.	Xây dựng nhà không để ở	4102
114.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
115.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
116.	Xây dựng công trình điện	4221
117.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
118.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
119.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
120.	Xây dựng công trình thủy	4291
121.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
122.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
123.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
124.	Phá dỡ	4311
125.	Chuẩn bị mặt bằng Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn	4312

126.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
127.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
128.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
129.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
130.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
131.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
132.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ giường, tủ, bàn ghế, và đồ dùng nội thất tương tự; Bán lẻ đèn và bộ đèn; Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt, hàng gốm sứ, hàng thủy tinh; Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; Bán lẻ thiết bị gia dụng; Bán lẻ nhạc cụ; Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khóa, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu	4759
133.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
134.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
135.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
136.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
137.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
138.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
139.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ THU HẰNG	Việt Nam	Số 165 phố Nam Sơn, Phường An Hưng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	4.500.000.000	50,000	173005275	
2	VUÔNG HUY TÂN	Việt Nam	Thôn Sơn Trang, Xã Quảng Văn, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	2.700.000.000	30,000	038201006427	
3	ĐÌNH THU TRANG	Việt Nam	TDP Quang Trung, Thị trấn Phong Sơn, Huyện Cẩm Thủy, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	1.800.000.000	20,000	038199011302	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ THU HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 173005275

Ngày cấp: 09/10/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 165 Phố Nam Sơn, Phường An Hưng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 165 Phố Nam Sơn, Phường An Hưng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội